

D. Chịu ảnh hưởng sâu sắc từ nền văn hóa Trung Hoa qua ngàn năm Bắc thuộc.

Câu 13. Lễ hội liên quan đến chùa chiềng là phổ biến của tộc người thiểu số nào ở nước ta?

A. Người Chăm.

B. Người Mường.

C. Người Kinh.

D. Người Khơ-me.

Câu 14. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng về lễ hội của người Kinh?

A. Quy mô lễ hội khá đa dạng.

B. Mang đậm tính truyền thống.

C. Lễ hội chỉ diễn ra vào mùa xuân.

D. Hệ thống lễ hội đa dạng và phong phú.

Câu 15. Năm 1957, Liên Xô phóng lên quỹ đạo vệ tinh nhân tạo Xpút-nich 1 đã có ý nghĩa như thế nào đối với nhân loại?

A. Là sự kiện mở đầu kỷ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.

B. Thúc đẩy sản xuất phát triển vượt bậc, khởi đầu quá trình công nghiệp hóa.

C. Thúc đẩy sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhiều ngành kinh tế khác

D. Là cơ sở cho sự ra đời và phát triển của động cơ điện.

Câu 16. Khái niệm “dân tộc – quốc gia” trong tiếng Việt được hiểu theo những nghĩa nào?

A. Toàn thể cư dân của thế giới.

B. Toàn thể cư dân của nhóm người.

C. Toàn thể cư dân của một tộc người.

D. Toàn thể cư dân của quốc gia, đất nước.

Câu 17. Căn cứ vào tiêu chí phân chia nhóm các dân tộc ở Việt Nam, dân tộc Kinh thuộc nhóm?

A. dân tộc vùng thấp.

B. dân tộc vùng đồng bằng.

C. dân tộc thiểu số.

D. dân tộc đa số.

Câu 18. Nhận xét nào dưới đây là đúng về vị trí của ngành nông nghiệp trồng lúa nước ở nước ta hiện nay?

A. Là nước xuất khẩu gạo đứng đầu thế giới, chiếm hơn 25% thị phần toàn cầu.

B. Không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn là mặt hàng xuất khẩu quan trọng.

C. Là nước đứng đầu về sản lượng lúa gạo trong khu vực Đông Nam Á.

D. Là mặt hàng nông-lâm-thủy sản có giá trị kim ngạch xuất khẩu lớn nhất.

Câu 19. Lễ hội của tộc người thiểu số ở nước ta chủ yếu được tổ chức với quy mô

A. từng làng/bản và tộc người.

B. nhiều làng/bản hay cả khu vực.

C. theo từng dòng họ ruột thịt.

D. tập trung ở các đô thị lớn.

Câu 20. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng khi nói đến lễ hội của cộng đồng dân tộc Việt Nam?

A. Lễ hội là một sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng truyền thống của cộng đồng.

B. Lễ hội được phân bố theo thời gian trong năm, xen vào các khoảng trống thời vụ.

C. Lễ hội bao gồm cả phần lễ (nghỉ lễ, nghi thức...) và phần hội (trò chơi dân gian...).

D. Các trò chơi ở lễ hội phản ánh những ước vọng thiêng liêng của con người.

Câu 21. Việc cho dựng bia đá ở Văn Miếu Quốc Tử giám thể hiện chính sách nào sau đây của các triều đại phong kiến Việt Nam?

A. Ghi danh những anh hùng có công với nước.

B. Ghi lại tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc.

C. Đề cao vai trò của sản xuất nông nghiệp.

D. Nhà nước coi trọng giáo dục, khoa cử.

Câu 22. Triều đại nào mở đầu cho thời đại phong kiến độc lập của dân tộc ta?

A. Triều Tiên Lý.

B. Triều Ngô.

C. Triều Nguyễn.

D. Triều Lê.

Câu 23. Việc nhà Lý cho xây dựng đàn Xã Tắc ở Thăng Long mang ý nghĩa nào sau đây?

A. Cổ vũ tinh thần chiến đấu của quân dân ta.

B. Nhà nước coi trọng bảo vệ độc lập dân tộc.

C. Khuyến khích nhân dân phát triển thương nghiệp.

D. Nhà nước coi trọng sản xuất nông nghiệp.

Câu 24. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn được gọi là

A. cách mạng công nghiệp nhẹ.

B. cách mạng 4.0.

C. cách mạng kỹ thuật số.

D. cách mạng kỹ thuật.

PHẦN 2: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM DẠNG THỨC ĐÚNG – SAI (1 điểm)

Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1070, vua Lý Thánh Tông cho dựng Văn Miếu thờ Khổng Tử; năm 1076, vua Lý Nhân Tông cho lập Quốc Tử Giám (Hà Nội) làm trường Nho học cao cấp của triều đình. Triều Lê sơ đã tổ chức được 26 khoa thi, lấy đỗ gần 1 000 tiến sĩ và 20 trạng nguyên. Triều Mạc trong thời gian ở Thăng Long (1527 - 1592) đều đặn ba năm tổ chức một khoa thi, lấy đỗ 484 tiến sĩ.”

(SGK Lịch sử 10 - Kết nối - NXB Giáo dục, tr.80)

- A. Dưới thời Lý, nhà nước tăng cường khuyến khích nhân dân học tập, tiêu biểu như việc ban Chiếu khuyến học.
- B. Hệ thống giáo dục được mở rộng, chủ yếu nhằm đào tạo đội ngũ quan lại cho bộ máy chính quyền.
- C. Thời Lê sơ, con em bình dân học giỏi cũng được đi học, đi thi, hệ thống trường học mở rộng trên cả nước.
- D. Triều Lê Sơ, những người phạm tội và làm nghề ca hát tham gia thi cử tuyển chọn quan lại.

PHẦN 3: TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 : Trình bày một số nét nổi bật về tư tưởng, tôn giáo của văn minh Đại Việt ? Nêu nhận xét của em về các thành tựu tư tưởng, tôn giáo của văn minh Đại Việt ? (2 điểm)

Câu 2 : Theo em việc nhiều dân tộc thuộc ngữ hệ, nhóm ngôn ngữ khác nhau cùng sinh sống trong một địa phương sẽ tạo ra những thuận lợi và khó khăn gì trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa của địa phương ? (1 điểm)

-----Hết -----

I. TRẮC NGHIỆM (6 ĐIỂM)

MÃ	MÃ ĐỀ	MÃ	MÃ
132	209	357	485
1. C	1. A	1. D	1. D
2. A	2. D	2. A	2. B
3. C	3. D	3. B	3. C
4. C	4. D	4. A	4. B
5. B	5. D	5. B	5. A
6. C	6. A	6. D	6. C
7. A	7. A	7. B	7. A
8. A	8. C	8. D	8. D
9. B	9. D	9. A	9. A
10. A	10. C	10. C	10. A
11. C	11. B	11. B	11. D
12. B	12. D	12. A	12. B
13. D	13. C	13. B	13. A
14. C	14. B	14. B	14. D
15. A	15. B	15. D	15. C
16. D	16. B	16. D	16. C
17. D	17. A	17. D	17. B
18. B	18. B	18. A	18. C
19. A	19. C	19. C	19. D
20. D	20. A	20. C	20. B
21. D	21. B	21. C	21. D
22. B	22. A	22. C	22. C
23. D	23. C	23. A	23. B
24. B	24. C	24. C	24. A

II. TRẮC NGHIỆM DẠNG THỨC ĐÚNG SAI (1 Đ, mỗi câu đúng 0.25)

- ĐỀ 132 – 357: S – Đ- Đ – S
- ĐỀ 209 – 485: Đ – S - S- Đ

III. TỰ LUẬN

CÂU	NỘI DUNG TRẢ LỜI	ĐIỂM
1 – LỄ	<p>*Tư Tưởng: <i>Tư tưởng yêu nước thương dân:</i> lấy làm gốc là giá trị tiêu biểu và xuyên suốt của nền văn minh Đại Việt.</p> <p>Tôn giáo:</p> <p>-Nho giáo: Do Khổng Tử(TQ) sáng lập và du nhập vào nước ta từ thời Bắc thuộc và sau này trở thành hệ tư tưởng chính thống của nhà nước quân chủ.</p> <p>-Phật giáo: Du nhập vào VN từ khoảng đầu công nguyên. Phát triển cực thịnh vào thười Lý-Trần</p> <p>-Đạo giáo: Do Lão Tử (TQ) sáng lập và du nhập vào từ thế kỉ II. Một số đạo quán được xây dựng</p> <p>-Công giáo: Từ 1533, một số giáo sĩ Phương Tây đã đến vùng ven biển</p>	<p>0.5Đ</p> <p>1.0 Đ</p>

	<p>Nam Định để truyền đạo. Đến khoảng thế kỉ XVII, có khoảng 340 nhà thờ và 35 000 tín đồ</p> <p>Nhận xét:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn minh Đại Việt đã hình thành nên những tư tưởng và tôn giáo đặc sắc, đa dạng và phong phú, phản ánh rõ nét bản sắc văn hóa và tinh thần dân tộc của người Việt. - <u>Góp phần vào việc hình thành nên những giá trị văn hóa đặc trưng cho văn minh Đại Việt</u> 	0.5Đ
2 – LỀ	<p>*Thuận lợi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi dân tộc có những nét văn hoá riêng thể hiện: ngôn ngữ, truyền thống, trang phục,... làm cho nền văn hoá nước ta thêm phong phú và giàu bản sắc. - Tạo ra sự giao lưu văn hóa giữa các dân tộc - Thu hút khách du lịch ngoài nước với bản sắc của mỗi dân tộc. Là cơ sở phát triển ngành du lịch nước ta <p>*Khó khăn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất hiện rào cản về ngôn ngữ giao tiếp - Xuất hiện sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa dân tộc ít người và dân tộc Việt về cơ sở vật chất kĩ thuật và cơ sở hạ tầng. - Dễ xảy ra xung đột khi chia sẻ nguồn tài nguyên hợp tác phát triển 	0.5Đ 0.5Đ
1 CHĂN	<p>*Thức ăn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bữa ăn truyền thống của người Kinh và các dân tộc thiểu số bao gồm cơm, rau, cá;... nước uống thường là nước đun sôi hoặc nấu với 1 số loại lá - Mỗi dân tộc có những món ăn độc đáo riêng <p>*Trang phục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người Kinh: Trang phục thường ngày gồm áo, quần (hoặc váy), kết hợp thêm một số chi tiết phụ khác: mũ, khăn, giày, dép, trang sức (vòng, nhẫn, dây chuyền, hoa tai,... bằng vàng hoặc bạc)... - Dân tộc thiểu số: Được may từ vải từ nhiều loại vải: thổ cẩm, tơ tằm, vải bông, vải lanh... và có đeo trang sức. <p>*Nhà ở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người Kinh: Nhà trệt bằng gạch hoặc đắp đất - Dân tộc thiểu số: Nhà sàn bằng gỗ, tre, nứa..., nhà trệt (nhà đất) hoặc nhà nửa sàn nửa trệt. <p>*Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trang phục thường ngày: quần, áo, váy, trang sức... Vào các dịp lễ, tết, một bộ phận người dân thường mặc áo dài truyền thống hoặc áo dài cách tân... + Ăn: chủ yếu ăn theo truyền thống, ngoài ra ăn nhiều món vào các dịp lễ, tết... + Nhà ở được xây bằng gạch, xi măng... 	0.5Đ 0.5Đ 0.5Đ 0.5Đ
2 – CHĂN	<p>-Đồng ý. Vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tính đa dạng và phong phú của văn minh Đại Việt được thể hiện qua các thành tựu trên nhiều lĩnh vực, như: chính trị, kinh tế; tín ngưỡng, tư tưởng – tôn giáo, chữ viết, văn học; khoa học – kĩ thuật và nghệ thuật + Tính dân tộc của văn minh Đại Việt được thể hiện ở việc: văn minh Đại Việt có sự kế thừa, phát triển ở trình độ cao hơn các thành tựu của nền văn 	0.5Đ

	<p>minh Việt cổ.</p> <p>- Để bảo tồn và phát huy giá trị của những thành tựu văn minh Đại Việt trong thời đại ngày nay, cần:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Học tập và hiểu rõ tiến trình lịch sử của dân tộc và những thành tựu cơ bản mà cha ông để lại + Tuyên truyền, quảng bá các di sản văn hóa của dân tộc VN đến người thân, bạn bè trong và ngoài nước + Thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc + Đấu tranh chống lại các hành động xâm phạm và làm tổn hại đến di sản văn hóa dân tộc. Ví dụ như: viết, vẽ bậy lên các di tích lịch sử... 	0.5Đ
--	---	------